

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến KCN Nam Thăng Long trên địa bàn phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 31 tháng 07 năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc
- Địa chỉ thường trú: Phường Minh Khai
2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc
- Địa chỉ thường trú: TDP Văn Trì 1, phường Minh Khai
3. Địa chỉ nơi thu hồi đất: TDP Văn Trì 2, phường Minh Khai
4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất : 06 khẩu (Trong đó: 06 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 0 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)
5. Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 303 m²
Trong đó:
+ Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án: 3,9 m²
Trong đó:
++ Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Đất nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP, đã được cấp giấy CNQSD đất: 3,9 m²
+ Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi đã bị thu hồi: 299,1 m²
6. Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp 64/CP bị thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp 64/CP được giao: 1,39 %

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp giấy CNQSD đất:	m ²	3,9	201.600	100%	786.240	
	Tổng cộng: (A)					786.240	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 NĐ 43/2014/NĐ-CP: Không (B)

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 NĐ 43/2014/NĐ-CP: Không (C)

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hoa ly có hoa	cây	62	21.000	100%	1.302.000	
	Tổng tiền: (D)					1.302.000	

* Ghi chú: Đối với cây trồng hoặc vật nuôi có thể di chuyển đến cơ sở mới thì căn cứ Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố để áp dụng.

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 201.600đ/m2 x 5 lần = 1.008.000đ/m2	m2	3,9	1.008.000	3.931.200	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 30% đến 70% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 6 tháng x 16.000đ/kg = 2,880,000đ/ khẩu nông nghiệp)	khẩu	06	0	0	Không tính hỗ trợ do tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp được giao: 1,39% <30%
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/ chủ sử dụng đất	m2	3,900	0	0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
	Tổng tiền: (E)				3.931.200	

5. Phương án tái định cư:

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không (G)

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không (H)

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)+(H) 6.019.440 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+(G) 0 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV) 6.019.440 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Sáu triệu, không trăm mười chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thường Sơn